

Phụ biểu 1: Quy mô hỗ trợ trồng rừng trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2021 của UBND huyện

STT	Xã	Diện tích Đăng ký trồng rừng năm 2021 (ha)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Đắk Hà	37	405,150,000
2	Đắk Na	35	383,250,000
3	Đắk Rơ Ông	30	328,500,000
4	Đắk Sao	28	306,600,000
5	Đắk Tô Kan	37	405,150,000
6	Măng Ri	25	273,750,000
7	Ngok Lây	30	328,500,000
8	Ngok Yêu	35	383,250,000
9	Tê Xăng	26	284,700,000
10	Tu Mơ Rông	35	383,250,000
11	Văn Xuôi	30	328,500,000
Tổng cộng		348	3,810,600,000

Kinh phí hỗ trợ bao gồm:

- +Đối với kinh phí hỗ trợ 10 triệu đồng/ha
- +Chi phí cho công tác khuyến lâm 500.000 đồng/ha/4 năm
- +Chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng: 300.000/ha đồng/ha
- + Chi phí số hóa bản đồ và lập dự án trồng rừng: 150.000 đồng/ha

1g.

Tu Mơ Rông)

Dự kiến loại cây trồng

Cây thông, sơn tra, mắc ca,
keo, bạch đàn

Phụ biểu 2: Nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ trồng rừng năm 2022
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2021 của UBND huyện)

STT	Nội dung hỗ trợ	Diện tích	Định mức hỗ trợ
1	Chi phí trồng rừng	348	10,000,000
2	Chi phí cho công tác khuyến lâm	348	500,000
3	Chi phí số hóa bản đồ và lập dự án trồng rừng	348	150,000
4	Chi phí khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng trồng rừng	348	300,000
Tổng cộng			

2

n Tu Mơ Rông)

Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
3,480,000,000
174,000,000
52,200,000
104,400,000
3,810,600,000